

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2022/DS-PT

Ngày: 22 – 3 - 2022.

V/v: tranh chấp yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả tiền.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Hữu Nhân

Các Thẩm phán:

Bà Lê Thị Vân

Ông Nguyễn Thành Tâm

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Mai – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hà – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 3 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 25/2022/TLPT-DS ngày 09/02/2022, về việc “*Tranh chấp yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả tiền*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 101/2021/DS-ST ngày 21/12/2021 của Tòa án nhân dân huyện Đ bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2022/QĐ-PT ngày 21/02/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 27/2022/QĐ-PT ngày 15/3/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Vợ chồng ông Đỗ Tuấn L, sinh năm 1988 và bà Huỳnh Huyền T, sinh năm 1993. Cùng trú tại: thôn Đà T, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1963. Cư trú tại: Số 06, thôn Đà An, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng (có mặt).

- Bị đơn: Bà Đỗ Thị Kim Q, sinh năm 1979. Cư trú tại: Thôn Đà T, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền bà Phan Thị Lệ T, sinh năm 1961. Cư trú tại: Số 93, đường Nguyễn Thị N, Phường 2, thành phố Đà Lạt (văn bản ủy ủy quyền ngày 21/02/2022). (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Vợ chồng ông Đỗ Đức T, sinh năm 1962 và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1963. Cùng trú tại: Thôn Đà T, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng (bà Hiên có mặt, ông Tuấn có đơn xin xét xử vắng mặt).

+ Ông Phan Thanh T, sinh năm 1979. Cư trú tại: Thôn Đà T, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng (vắng mặt).

Người kháng cáo: Bị đơn bà Đỗ Thị Kim Q.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vợ chồng Đỗ Tuấn Linh và bà Huỳnh Huyền T do bà Nguyễn Thị L là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Do là chỗ quen biết nên vợ chồng ông Đỗ Tuấn L và bà Huỳnh Huyền T có cho bà Đỗ Thị Kim Q nợ lại số tiền chuyển nhượng quyền sử dụng đất 150.000.000 đồng. Số tiền này do bà Q viết giấy nợ ngày 02/7/2019, hẹn lại 05 ngày trả nhưng vợ chồng ông L, bà T đã đòi mà bà Q không trả. Nay, vợ chồng ông L, bà T khởi kiện yêu cầu bà Q trả cho ông L, bà T số tiền gốc là 150.000.000 đồng và tiền lãi từ ngày 01/8/2019 đến ngày 01/3/2021 là $19 \text{ tháng} \times 0,83\%/\text{tháng} = 23.650.000$ đồng. Tổng cộng là 173.650.000 đồng.

Đối với yêu cầu phản tố của bà Q, bà Q yêu cầu vợ chồng ông L và bà T trả lại cho bà số tiền 230.000.000 đồng và tiền lãi là 92.000.000 đồng thì vợ chồng ông L, bà T có ý kiến như sau: Vào ngày 09/11/2017 vợ chồng ông L, bà T có chuyển nhượng cho bà Q một phần diện tích của thửa đất số 705, tờ bản đồ số 31, giáp ranh với đất của bà Q với giá 330.000.000 đồng. Vợ chồng ông L, bà T đã nhận của bà Q số tiền 230.000.000 đồng, còn 100.000.000 đồng hai bên giao hẹn khi nào tách thửa làm thủ tục chuyển nhượng thì hoàn tất vì giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của vợ chồng ông L, bà T đang thế chấp tại Ngân hàng. Đến ngày 17/6/2019 vợ chồng ông L, bà T quyết định chuyển nhượng hết thửa đất nói trên cho bà Q với giá 1.780.000.000 đồng. Bà Q và vợ chồng ông L, bà T cùng nhau ra Ngân hàng trả số tiền 700.000.000 đồng để lấy sổ ra và làm thủ tục chuyển nhượng. Sau khi ký kết xong hợp đồng chuyển nhượng thì bà Q trả cho vợ chồng ông L, bà T thêm số tiền 700.000.000 đồng, cộng với số tiền 230.000.000 đồng bà Q đã thanh toán vào ngày 09/11/2017 thì tổng cộng vợ chồng ông L, bà T đã nhận của bà Q số tiền là 1.630.000.000 đồng, còn thiếu 150.000.000 đồng. Vì vậy, bà Q đã viết giấy nợ lại vợ chồng ông L, bà T số tiền là 150.000.000 đồng. Bà Q hẹn 05 ngày sẽ trả nhưng không trả mặc dù vợ chồng ông L, bà T đã đòi rất nhiều lần. Bà có giao nộp cho Tòa án 01 biên bản hòa giải tại hội trường thôn Đà T, xã Đ, huyện Đ. Trong biên bản ghi rõ ý kiến của bà Q khi bị ông L đòi nợ số tiền 150.000.000 đồng là bà Q không chịu trả mà buộc ông L phải trừ nợ cho bà Hiên (bà Hiên là mẹ của ông L), ông L không bằng lòng nên buổi hòa giải không thành. Khi làm việc với Tòa án, bà Q không hề đề cập đến nội dung như bà đã trình bày theo biên bản hòa giải tại hội trường thôn Đà T mà vu khống cho vợ chồng ông L, bà T là chuyển nhượng một thửa đất cho bà Q hai lần nên bà đòi tiền cọc lúc chuyển nhượng đất

lần 01 là 230.000.000 đồng. Vì vậy, qua yêu cầu phản tố của bà Q thì vợ chồng ông L, bà T không đồng ý và vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Ngoài ra, vợ chồng ông L, bà T không yêu cầu gì thêm.

Ý kiến bị đơn bà Đỗ Thị Kim Q:

Bà thừa nhận có ghi nợ vợ chồng ông Đỗ Tuấn L và bà Huỳnh Huyền T số tiền 150.000.000 đồng theo giấy ghi nợ ngày 02/7/2019.

Tuy nhiên, ngày 09/11/2017 vợ chồng ông L, bà T ủy quyền cho ông Đỗ Đức T và bà Nguyễn Thị H chuyển nhượng cho bà 01 lô đất theo giấy bán đất ngày 09/11/2017. Theo giấy bán đất này thì vợ chồng ông L, bà T chuyển nhượng cho vợ chồng bà diện tích đất ngang 4.36m, dài hết đất, phía Đông giáp đường Liên Thôn, phía Tây giáp đất nhà ông Dương, phía Nam giáp đất nhà bà, phía Bắc giáp nhà ông L. Bà nhận chuyển nhượng diện tích đất này với giá 330.000.000 đồng, lúc này bà đưa trước cho vợ chồng ông L, bà T 30.000.000 đồng. Tại thời điểm chuyển nhượng thì giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này vợ chồng ông L, bà T đang thế chấp tại Ngân hàng nên vợ chồng ông L, bà T hẹn bà đến năm 2018 sau khi lấy sổ ra thì sẽ làm thủ tục chuyển nhượng cho bà. Vợ chồng ông L, bà T đã ủy quyền cho bố là ông Đỗ Đức T nhận số tiền còn lại từ bà. Đến ngày 03/12/2017 bà có giao cho ông Đỗ Đức T số tiền 200.000.000 đồng, có ký nhận. Tổng số tiền bà đã đưa cho vợ chồng ông L, bà T là 230.000.000 đồng.

Đến ngày 17/6/2019 ông L, bà T có chuyển nhượng cho vợ chồng bà 685m² với giá 1.780.000.000 đồng. Đối với việc chuyển nhượng đất này đã thanh toán xong, bà không tranh chấp. Tuy nhiên lô đất đã chuyển nhượng vào ngày 09/11/2017 không giao đất cho bà nên bà giữ lại số tiền 150.000.000 đồng và ghi thành giấy ghi nợ ngày 02/7/2019.

Toàn bộ diện tích đất bà nhận chuyển nhượng của vợ chồng ông L, bà T đã được xác nhận tại trang 03 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 29/7/2019 chuyển nhượng cho ông Phan Thanh T và vợ là bà Đỗ Thị Kim Q, địa chỉ tại xã Đ, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng theo Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất được Ủy ban nhân dân xã Đ chứng thực ngày 18/6/2019.

Qua yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vợ chồng ông L và bà T thì bà đồng ý trả 150.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 01/8/2019 với mức lãi suất 0,83%/tháng.

Bà có yêu cầu phản tố, yêu cầu vợ chồng ông L và bà T trả lại cho bà số tiền 230.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 01/01/2018, với mức lãi suất 0,83%/tháng. Bà yêu cầu đối trừ vào số tiền nợ gốc và nợ lãi bà phải trả cho nguyên đơn vợ chồng ông L, bà T; số tiền còn lại vợ chồng ông L, bà T phải trả cho bà.

Ngoài ra, bà Q không yêu cầu gì thêm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vợ chồng ông Đỗ Đức T bà Nguyễn Thị H do bà Nguyễn Thị H đại diện theo ủy quyền trình bày:

Bà và ông Tuấn là cha mẹ ruột của ông Đỗ Tuấn L. Ngày 09/11/2017 vợ chồng Đỗ Tuấn Linh và Huỳnh Huyền Trang có chuyển nhượng cho bà Đỗ Thị Kim Q một phần đất là 4.36m với số tiền 330.000.000 đồng. Con bà có ủy quyền cho bà lấy số tiền trên vào ngày 03/12/2017. Bà Q đã giao tiền cọc cho vợ chồng bà 02 lần tổng cộng là 230.000.000 đồng. Khi giao tiền hai bên có viết giấy hẹn khi lấy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất về tách sổ cho bà Q thì sẽ giao số tiền còn lại.

Ngày 02/7/2019 con bà lấy sổ từ Ngân hàng về và quyết định chuyển nhượng hết thửa đất cho bà Q là thửa 705, tờ bản đồ số 31, tại xã Đ, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng với số tiền 1.780.000.000 đồng. Sau khi cân trừ tiền cọc và bà Q đưa thêm thì bà Q còn nợ lại số tiền 150.000.000 đồng, có ghi giấy nợ ngày 02/7/2019.

Nay, vợ chồng ông L, bà T khởi kiện yêu cầu bà Q trả số tiền 150.000.000 đồng thì vợ chồng bà không có ý kiến gì và yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra, vợ chồng bà không có ý kiến, yêu cầu gì.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phan Thanh T trình bày:

Việc mua bán đất của vợ ông với ông Đỗ Tuấn L và bà Huỳnh Huyền T ông không tham gia vì do vợ ông làm việc với họ, ông không tham gia nên ông không biết gì. Về nguồn gốc mua bán và thiếu đủ gì đó giữa vợ ông và họ có trách nhiệm giải quyết cùng nhau, ông không có ý kiến gì khác.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng không thành.

Tại Bản án Dân sự sơ thẩm số: 101/2021/DSST ngày 21/12/2021 của Tòa án nhân dân huyện Đ đã xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vợ chồng ông Đỗ Tuấn L và bà Huỳnh Huyền T về việc yêu cầu bị đơn bà Đỗ Thị Kim Q thanh toán số tiền còn nợ lại 150.000.000 đồng (một trăm năm mươi triệu đồng) và tiền lãi từ ngày 01/8/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 21/12/2021 là 28 tháng 20 ngày x 0,83%/tháng = 35.690.000 đồng (ba mươi lăm triệu sáu trăm chín mươi nghìn đồng), tổng cộng là 185.690.000 đồng (một trăm tám mươi lăm triệu sáu trăm chín mươi nghìn đồng).

2. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn bà Đỗ Thị Kim Q về việc yêu cầu nguyên đơn vợ chồng ông Đỗ Tuấn L và bà Huỳnh Huyền T trả cho bà số tiền 230.000.000 đồng (hai trăm ba mươi triệu đồng) và tiền lãi tính từ ngày 01/01/2018 tính đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 21/12/2021 là 47 tháng 20 ngày với mức lãi suất 0,83%/tháng = 90.995.666 đồng (chín mươi triệu chín trăm chín mươi lăm nghìn sáu trăm sáu mươi sáu đồng), tổng cộng là 320.995.666 đồng (ba trăm hai mươi triệu chín trăm chín mươi lăm nghìn sáu trăm sáu mươi sáu đồng).

3. Về chi phí tố tụng: Buộc bà Đỗ Thị Kim Q phải nộp 1.400.000 đồng (một triệu bốn trăm nghìn đồng) tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ để trả lại cho nguyên đơn ông Đỗ Tuấn L và bà Huỳnh Huyền T.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo và trách nhiệm thi hành án của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 05/01/2022, bị đơn bà Đỗ Thị Kim Q làm đơn kháng cáo không đồng ý toàn bộ nội dung của bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy toàn bộ nội dung của bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa hôm nay: Bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và đề nghị chấp nhận kháng cáo, nguyên đơn không kháng cáo đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng nêu ý kiến về việc chấp hành pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại giai đoạn phúc thẩm cũng như tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử phúc thẩm đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đồng thời nêu quan điểm đề nghị Hội đồng xét xử: Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, căn cứ Khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền: Xuất phát từ việc ngày 09/11/2017 vợ chồng ông Đỗ Tuấn L và bà Huỳnh Huyền T có chuyển nhượng cho bà Đỗ Thị Kim Q quyền sử dụng đất, việc chuyển nhượng và bàn giao tài sản đã xong. Tuy nhiên, do bà Q còn nợ lại số tiền 150.000.000 đồng chưa trả nên vợ chồng ông L, bà T khởi kiện yêu cầu bà Q trả số tiền 150.000.000 đồng còn thiếu và lãi suất theo quy định của pháp luật. Phía bị đơn bà Q không đồng ý với yêu cầu phản tố của ông L, bà T trả số tiền 230.000.000 đồng tiền chuyển nhượng đất và yêu cầu đối trừ nghĩa vụ nên các bên phát sinh tranh chấp. Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp là “*Tranh chấp yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả tiền*” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án là có căn cứ và đúng pháp luật.

[2] Xét kháng cáo của bị đơn bà Đỗ Thị Kim Q thì thấy rằng:

[2.1]. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm bị đơn bà Q thừa nhận còn nợ vợ chồng ông L, bà T số tiền 150.000.000 đồng tiền chuyển nhượng quyền sử dụng đất và lãi suất phát sinh. Do đó, theo quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng Dân sự thì đây là tình tiết không phải chứng minh. Do đó, cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là hoàn toàn có căn cứ.

[2.2]. Xét yêu cầu phản tố của bị đơn yêu cầu vợ chồng ông L, bà Q trả số tiền 230.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 01/01/2018 và yêu cầu đối trừ nghĩa vụ thì thấy rằng:

Ngày 09/11/2017 ông L, bà T viết giấy bán đất cho bà Q và Trung diện tích đất có chiều ngang 4,36m, chiều dài chạy hết đất với giá 330.000.000 đồng và có

ủy quyền cho ông Tuấn (cha ruột của ông L) nhận tiền tổng cộng hai lần là 230.000.000 đồng (bút lục số 54-55).

Nguyên đơn ông L, bà T cho rằng trước đó chỉ chuyển nhượng 4,36m ngang sau này ông L lấy sổ đỏ ra thì hai bên làm thủ tục chuyển nhượng hết phần diện tích đất còn lại với giá là 1.780.000.000 đồng, bà Q đã đặt cọc trước 930.000.000 đồng (trong đó có 230.000.000 đồng nhận trước + 700.000.000 đồng), ngày 02/7/2019 bà Q trả 700.000.000 đồng và viết lại giấy nhận nợ là 150.000.000 đồng, lời trình bày này hoàn toàn phù hợp với những chứng cứ, lời khai có trong hồ sơ vụ án. Vì khi viết giấy nhận nợ số tiền 150.000.000 đồng bà Q không đề cập đến việc ông L còn nợ bà số tiền 230.000.000 đồng tiền cọc trước đây.

Theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ thì hiện trạng thửa đất 705 có 4,36m đất là đất trống và có 01 căn nhà chiều ngang 5,8m, tổng cộng là 10,16m ngang. Ngoài diện tích đất này thì ông L, bà T không còn diện tích đất nào khác.

[2.3] Do đó, bà Q cho rằng ông L, bà T đã chuyển nhượng đất cho bà diện tích đất 4,36m nhưng không giao đất cho bà và chuyển nhượng đến hai lần là không có căn cứ. Mặc khác, tại biên bản hòa giải ngày 13/8/2019 tại Hội trường thôn Đà T ông L yêu cầu trả số tiền còn thiếu là 150.000.000 đồng thì bà Q có ý kiến “*bà Hiền mẹ ông L còn nợ bà Q số tiền 230.000.000 đồng khi bảo bà Hiền trả tiền thì tôi trả cho ông L*” điều này phù hợp với lời khai của mẹ ông L là có nhận của bà Q số tiền chuyển nhượng là 230.000.000 đồng. Bà Q không hề đề cập đến số tiền ông L còn nợ bà số tiền 230.000.000 đồng.

Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn không cung cấp thêm được tài liệu, chứng cứ mới để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình.

[3] Từ những phân tích trên cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất và nội dung của vụ án, nên không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của bị đơn cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4] Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí Dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015,

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Đỗ Thị Kim Q. Giữ nguyên Bản án Dân sự sơ thẩm số: 101/2021/DSST ngày 21/12/2021 của Tòa án nhân dân huyện Đ.

Xử.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vợ chồng ông Đỗ Tuấn L và bà Huỳnh Huyền T về việc yêu cầu bị đơn bà Đỗ Thị Kim Q thanh toán số tiền còn nợ lại 150.000.000 đồng (một trăm năm mươi triệu đồng) và tiền lãi từ ngày 01/8/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 21/12/2021 là 28 tháng 20 ngày x 0,83%/tháng = 35.690.000 đồng (ba mươi lăm triệu sáu trăm chín mươi nghìn đồng), tổng cộng là 185.690.000 đồng (một trăm tám mươi lăm triệu sáu trăm chín mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn bà Đỗ Thị Kim Q về việc yêu cầu nguyên đơn vợ chồng ông Đỗ Tuấn L và bà Huỳnh Huyền T trả cho bà số tiền 230.000.000 đồng (hai trăm ba mươi triệu đồng) và tiền lãi tính từ ngày 01/01/2018 tính đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 21/12/2021 là 47 tháng 20 ngày với mức lãi suất 0,83%/tháng = 90.995.666 đồng (chín mươi triệu chín trăm chín mươi lăm nghìn sáu trăm sáu mươi sáu đồng), tổng cộng là 320.995.666 đồng (ba trăm hai mươi triệu chín trăm chín mươi lăm nghìn sáu trăm sáu mươi sáu đồng).

3. *Về chi phí tố tụng:* Buộc bà Đỗ Thị Kim Q phải nộp 1.400.000 đồng (một triệu bốn trăm nghìn đồng) tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ để trả lại cho nguyên đơn ông Đỗ Tuấn L và bà Huỳnh Huyền T.

4. Về án phí: Buộc bị đơn bà Đỗ Thị Kim Q phải chịu 9.284.000 đồng tiền án phí Dân sự sơ thẩm trên số tiền phải trả cho nguyên đơn và 16.049.783.000 đồng tiền án phí trên số tiền không được chấp nhận và 300.000 đồng tiền án phí Dân sự phúc thẩm nhưng được trừ vào 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai thu số 0007950 ngày 07/01/2022 và 8.050.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 0001241 ngày 09/4/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ. Bà Q còn phải nộp 17.284.283 đồng tiền án phí.

Hoàn trả cho vợ chồng ông Đỗ Tuấn L và bà Huỳnh Huyền T số tiền 4.341.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001152 ngày 22/3/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- Phòng Kiểm tra nghiệp vụ &THA;
- TAND H. Đức Trọng;
- Chi cục thi hành án dân sự H. Đức Trọng;
- Các đương sự;
- Lưu án văn, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Hữu Nhân

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

.....

.....

Bùi Hữu Nhân

